

Số: 01/2023/QĐST-KDTM

Kiến An, ngày 20 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 3 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 02/2022/TLST-KDTM ngày 23 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (sau đây viết tắt là B); địa chỉ: Số nhà 194 phố T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thu H, Phó trưởng Phòng Quản lý rủi ro B - Chi nhánh Hải Phòng và bà Nguyễn Thị Thu T, Cán bộ Phòng Khách hàng doanh nghiệp 2 B - Chi nhánh Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 1576/UQ-B.HP ngày 16/6/2022).

- *Bị đơn*: Công ty Cổ phần thương mại H (sau đây viết tắt là Công ty H); địa chỉ: Số 84 đường H, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1989; đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 1, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền ngày 01/3/2023).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Văn C (tức Nguyễn Quang H) và bà Tô Thị N; cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 1, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Số 26D ngõ 191, phố L, phường G, quận N, thành phố Hải Phòng.

2. Ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị H1; cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 1, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1989; đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 1, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Văn bản ủy quyền ngày 01/3/2023).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ phải thanh toán: Người đại diện hợp pháp của B và người đại diện hợp pháp của Công ty H đều thống nhất xác nhận: Tổng dư nợ Công ty H phải trả cho B tính đến ngày 10/3/2023 là: 19.411.003.322 đồng (Bằng chữ: Mười chín tỷ, bốn trăm mười một triệu, không trăm linh ba nghìn, ba trăm hai mươi hai đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 11.427.350.000 đồng (Bằng chữ: Mười một tỷ, bốn trăm hai mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng)

- Nợ lãi trong hạn: 5.392.444.121 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ, ba trăm chín mươi hai triệu, bốn trăm bốn mươi bốn nghìn, một trăm hai mươi một đồng)

- Nợ lãi quá hạn: 2.591.209.201 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, năm trăm chín mươi một triệu, hai trăm linh chín nghìn, hai trăm linh một đồng)

Công ty H còn phải tiếp tục trả cho B các khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên đã thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2014/HĐTD ngày 04/3/2014 và các Văn bản sửa đổi bổ sung đính kèm mà các bên đã ký kết, tính từ ngày 11/3/2023 cho đến khi trả hết nợ.

2.2. Các bên thống nhất phương án trả nợ như sau: B sẽ giảm cho Công ty H 5.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ đồng) tiền lãi nếu Công ty H trả nợ đầy đủ, đúng hạn lộ trình cụ thể như sau:

+ Lịch trả nợ gốc:

STT	Thời gian trả nợ	Số tiền trả (đơn vị: đồng)
1	15/03/2023	4.000.350.000
2	30/04/2023	900.000.000
3	31/05/2023	900.000.000

4	30/06/2023	1.400.000.000
5	31/10/2023	2.500.000.000
6	31/12/2023	1.000.000.000
7	31/03/2024	727.000.000
	Tổng	11.427.350.000

+ Lịch trả nợ lãi: Chậm nhất đến ngày 30/6/2024, Công ty H phải trả hết số tiền lãi sau khi đã được giảm 5.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ đồng) tiền lãi là: **2.983.653.322 đồng** (Bằng chữ: Hai tỷ, chín trăm tám mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi hai đồng) và các khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2014/HĐTD ngày 04/3/2014 và các Văn bản sửa đổi bổ sung đính kèm mà các bên đã ký kết, tính từ ngày 11/3/2023 đến ngày trả hết nợ.

Trường hợp Công ty H không thực hiện trả nợ theo đúng lịch trình đã cam kết với B như trên, thì Công ty H không được giảm 5.000.000.000 (Năm tỷ) đồng tiền lãi và phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2014/HĐTD ngày 04/3/2014 và các Văn bản sửa đổi bổ sung đính kèm mà các bên đã ký kết.

2.3. Về việc xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp Công ty H vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào nêu trên thì B có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại và xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ, gồm:

1. 01 Xe ô tô FORD EVEREST BKS số 16N4858; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006654 do Phòng Cảnh sát giao thông-Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 13/07/2010 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2014/5614810/HĐBĐ ký ngày 07/05/2014 giữa B Hải Phòng và Công ty H.

2. Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 26D ngõ 191 phố L, phường G, quận N, thành phố Hải Phòng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số AO 499052, vào sổ cấp GCN QSDĐ số H06751/QSDĐ/NQ, do UBND quận Ngô Quyền cấp cho ông Nguyễn Mạnh H và vợ là bà Nguyễn Thị H1 ngày 15/12/2008 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2014/HĐTC ký ngày 07/03/2014 giữa ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị H1, B Hải Phòng và Công ty H.

3. Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 80, đường H, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở Hồ sơ gốc số 1801 do UBND thành phố Hải Phòng cấp cho ông

Nguyễn Quang H và vợ là bà Tô Thị N ngày 26/07/1999 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2013/HĐTC ký ngày 22/07/2013 giữa ông Nguyễn Quang H và vợ là bà Tô Thị N, B Hải Phòng và Công ty H.

4. Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 126 (nay là số 130) đường H, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở Hồ sơ gốc số 1913 do UBND thành phố Hải Phòng cấp cho ông Nguyễn Văn C (tức Nguyễn Quang H) và vợ là bà Tô Thị N ngày 07/10/1999 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 04/2013/HĐTC ký ngày 23/08/2013 giữa ông Nguyễn Văn C (tức Nguyễn Quang H) và vợ là bà Tô Thị N, B Hải Phòng và Công ty H.

5. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 82 đường H, Tổ 1, khu dân cư số 1, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; Giấy chứng nhận quyền đất số AM 740386, vào sổ cấp GCNQSDĐ số H00314/B.S do UBND quận Kiến An cấp cho bà Tô Thị N (tài sản riêng) ngày 18/09/2008 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐTC ký ngày 04/03/2014 giữa bà Tô Thị N, B Hải Phòng và Công ty H.

6. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số nhà 80 đường N, phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai; Giấy chứng nhận quyền đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT124235, vào sổ cấp GCN số 117 do UBND thành phố Lào Cai cấp ngày 23/07/2014 cho bà Tô Thị N (tài sản riêng) theo Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 05/2014/561481/HĐBĐ ký ngày 29/08/2014 giữa bà Tô Thị N và B Hải Phòng.

2.4. Về án phí: Công ty H phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 63.702.502 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi ba triệu, bảy trăm linh hai nghìn, năm trăm linh hai đồng).

Trả lại B số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 63.236.000 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi ba triệu, hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0003702 ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

2.5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Công ty H phải trả cho B số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 30.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự (để thi hành);
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Kiến An;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Bình

